Số: 229/QĐ-UBND; 16/04/2025; 15:04:48; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số 229 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Điều lệ*) quy định về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ Phát triển đất tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ Phát triển đất tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Quỹ*).

2. Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở của Quỹ

1. Tên gọi chính thức: Quỹ Phát triển đất tỉnh Kon Tum.

2. Trụ sở: Số 314 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng và nguyên tắc hoạt động, người đại diện theo pháp luật của Quỹ

1. Quỹ Phát triển đất tỉnh Kon Tum là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước tại tỉnh Kon Tum.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Quỹ.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của Quỹ

1. Quỹ Phát triển đất tỉnh Kon Tum hoạt động theo mô hình độc lập.

2. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

a) Hội đồng quản lý;

b) Ban kiểm soát;

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

3. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Điều lệ này.

4. Biên chế viên chức đối với cán bộ nhân viên hoạt động chuyên trách tại Quỹ. Quỹ thực hiện ký hợp đồng việc làm đối với cán bộ nhân viên là viên chức; hợp đồng lao động thực hiện chuyên môn nghiệp vụ; hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định pháp luật.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ quỹ được thực hiện theo quy định về công tác cán bộ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm: Chủ tịch, tối đa 02 Phó Chủ tịch và các thành viên (*số lẻ, tối đa 7 thành viên*), trong đó:

a) Chủ tịch hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Tài chính.

c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Quỹ.

d) Các thành viên khác gồm lãnh đạo các đơn vị: Sở Nông Nghiệp và Môi trường; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại pháp luậtvà Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.

e) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với

các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và pháp luật.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và pháp luật có liên quan.

3. Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (*trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp*).

Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ phát triển đất.

2. Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và pháp luật có liên quan.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

6. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

7. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (*thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ*). Các phòng của Cơ quan điều hành nghiệp vụ do Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động kiêm nhiệm.

3. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và pháp luật có liên quan sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 104/2024/NĐ-CP),* Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn của Quỹ để trình Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất gồm:

a) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ: 320.000.000.000 Đồng (*bao gồm 311.524.075.650 đồng đã được ngân sách cấp*). Vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.

Hằng năm, ngân sách tỉnh trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (*sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác*) để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Điều 12. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (*trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước*).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

Điều 13. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ

1. Kế hoạch ứng vốn:

a) Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được giao nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này, các tổ chức xây dựng nhu cầu ứng vốn, gửi Quỹ. Trên cơ sở nguồn vốn hiện có, Quỹ lập kế hoạch ứng vốn, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt kế hoạch ứng vốn hàng năm theo nguyên tắc chỉ giao tổng nguồn vốn ứng tối đa và danh mục các dự án ứng vốn.

b) Trường hợp trong năm có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì việc lập Kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định tại điểm a khoản này.

2. Điều kiện ứng vốn gồm:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn: Căn cứ kế hoạch ứng vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt.

a) Mức vốn ứng trên 5 tỷ đồng đối với 01 dự án, nhiệm vụ do Hội đồng quản lý quyết định.

b) Mức vốn ứng nhỏ hơn hoặc bằng 5 tỷ đồng đối với 01 dự án, nhiệm vụ do Giám đốc Quỹ quyết định.

Giám đốc Quỹ khi phê duyệt quyết định ứng vốn từ Quỹ có trách nhiệm rà soát điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này đảm bảo phù hợp và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt số tiền ứng vốn từ Quỹ.

2. Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã cấp thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (*trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn*): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ phát triển đất trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 12 quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

4. Căn cứ Quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ phát triển đất kiểm soát hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ phát triển đất. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ phát triển đất cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

5. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 11 đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 11 để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 12.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 15.

7. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 15. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất

1. Thời hạn ứng vốn: Căn cứ vào thời gian thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 24 tháng.

2. Thu hồi vốn ứng: Trước khi đến hạn thu hồi vốn ứng 30 ngày, Quỹ thông báo cho tổ chức ứng vốn từ Quỹ để sắp xếp nguồn vốn hoàn trả vốn ứng.

3. Nguồn hoàn trả vốn ứng:

a) Đối với ứng vốn cho các tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này do ngân sách nhà nước hoàn trả vốn ứng cho Quỹ theo nguyên tắc ngân sách cấp nào ứng vốn, thực hiện hoàn trả vốn ứng từ ngân sách cấp đó theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Nguồn vốn được bố trí hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Việc hoàn trả vốn ứng thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 16. Chi Phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 17. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính nhà nước khác thuộc tỉnh Kon Tum theo quy định của pháp luật.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với bên ủy thác. Quyết định hoặc Hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (*nếu có*) và bên nhận ủy thác (*Quỹ Phát triển đất tỉnh*).

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

c) Số vốn ủy thác, việc quản lý vốn nhận ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;

d) Trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt Quyết định hoặc Hợp đồng ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm, tranh chấp (nếu có).

e) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán và theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (*nếu có*) của Quỹ.

4. Việc nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ quy định tại Điều lệ này.

5. Quỹ được hưởng khoản thu từ việc nhận ủy thác và được xác định là khoản thu của Quỹ.

Chương V
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ phát triển đất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (*bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động*) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại Quy chế tài chính của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đất trụ sở của Quỹ phát triển đất thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 16

b) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (*theo quy định của pháp luật*);

c) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận ủy thác;

d) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước cấp của Quỹ quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

d) Chi khác để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quy định; tinh giản biên chế theo chế độ (nếu có); đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

3. Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất.

6. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ phát triển đất thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ phát triển đất có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ phát triển đất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ phát triển đất được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất và quy định của pháp luật.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 21. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động của Quỹ theo quy định.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua mức vốn điều lệ, thay đổi, bổ sung vốn điều lệ, mô hình hoạt động; kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của Quỹ; xem xét, phê duyệt Kế hoạch bố trí vốn cho dự án, nhiệm vụ (đã ứng vốn từ Quỹ) để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cấp bổ sung vốn điều lệ; ban hành, sửa đổi Điều lệ; tổ chức bộ máy; Quy chế tài chính; quy định ứng vốn từ Quỹ; ban hành Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm hoặc giao dự toán ngân sách của dự án hoặc nhiệm vụ (đã ứng vốn từ Quỹ) sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

c) Chỉ đạo sở, ban ngành, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổ chức nhận ứng vốn từ Quỹ bảo đảm các hoạt động của Quỹ được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

3. Với các cơ quan quản lý nhà nước khác là mối quan hệ phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị. Trong đó:

a) Sở Tài chính là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý hoạt động của Quỹ; tham mưu việc cấp bổ sung vốn điều lệ, bố trí dự toán ngân sách để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, ban hành hoặc sửa đổi Điều lệ, Quy chế tài chính, Quy định ứng vốn; có ý kiến về việc ứng vốn và các nội dung khác thuộc chức năng của Sở theo đề nghị của Quỹ. Cấp bổ sung vốn điều lệ, bố trí kế hoạch đầu tư công cho dự án được ứng vốn để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, kế hoạch ứng vốn từ Quỹ; có ý kiến về việc ứng vốn, cung cấp danh mục các dự án thuộc đối tượng ứng vốn và các nội dung khác thuộc chức năng của Sở Tài chính theo đề nghị của Quỹ.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì phối hợp với Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn vốn thực hiện các dự án, nhiệm vụ của tổ chức phát triển quỹ đất; cung cấp danh mục các dự án, hạng mục có cấu phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, dự án tạo lập và phát triển quỹ đất và các nội dung khác thuộc chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đề nghị của Quỹ.

c) Sở Xây dựng là cơ quan phối hợp với Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về việc ứng vốn từ Quỹ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này và các nội dung khác thuộc chức năng của Sở Xây dựng theo đề nghị của Quỹ.

d) Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức bộ máy; biên chế; công tác nhân sự của Quỹ và các nội dung khác thuộc chức năng của Sở Nội vụ theo đề nghị của Quỹ.

e) Kho bạc nhà nước là cơ quan kiểm soát thanh toán cho dự án, nhiệm vụ ứng vốn từ Quỹ, hoàn trả vốn ứng cho Quỹ khi đã có đủ điều kiện, đúng thời gian theo quy định và các nội dung khác thuộc chức năng của Kho bạc nhà nước theo đề nghị của Quỹ.

g) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là cơ quan phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án, nhiệm vụ ứng vốn từ Quỹ, việc sử dụng và hoàn trả vốn ứng của cơ quan, đơn vị được ứng vốn thuộc thẩm quyền quản lý.

h) Đối với dự án, nhiệm vụ đã ứng vốn từ Quỹ, khi có nguồn hoàn trả, căn cứ Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án, nhiệm vụ (*trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ*) và đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của chủ đầu tư dự án, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án, nhiệm vụ đầu tư có trách nhiệm ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để chủ đầu tư dự án hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng (*nếu có*) về cho Quỹ.

4. Quỹ là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ ứng vốn, thu hồi vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và các nội dung khác liên quan đến hoạt động của Quỹ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 22. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với Tổ chức được ứng vốn trong hoạt động của Quỹ

Là mối quan hệ đối tác, hợp tác giữa Quỹ và Tổ chức được ứng vốn, Tổ chức phát triển quỹ đất trong việc ứng vốn, sử dụng và hoàn trả vốn ứng.

1. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Gửi bảng đăng ký ứng vốn, đề nghị ứng vốn cho Quỹ khi có nhu cầu.

b) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

c) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này đầy đủ, đúng hạn.

d) Ngay khi có nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, đơn vị, tổ chức được ứng vốn gửi thông báo, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án, nhiệm vụ đầu tư ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất và nhanh chóng thực hiện thủ tục hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này đầy đủ, đúng hạn.

đ) Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc ứng vốn, sử dụng và hoàn trả vốn ứng theo đề nghị của Quỹ. Đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn ứng kịp thời, chính xác; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Quỹ.

2. Tổ chức phát triển Quỹ đất phối hợp với Quỹ Phát triển đất về nguồn vốn trong quá trình lập và thực hiện các dự án, nhiệm vụ của tổ chức phát triển quỹ đất; cung cấp danh mục các dự án, hạng mục có cấu phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, dự án tạo lập và phát triển quỹ đất.

3. Quỹ Phát triển đất tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị, tổ chức được ứng vốn trong việc hướng dẫn thủ tục đăng ký vốn ứng, quyết định ứng vốn, giải ngân, kiểm soát và thu hồi vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 23. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý và Cơ quan điều hành nghiệp vụ là mối quan hệ giám sát và định hướng, trong đó:

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị Cơ quan điều hành Quỹ được quy định tại Điều lệ này.

b) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về kết quả thực hiện.

2. Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát là mối quan hệ chế ước/quan hệ kiểm tra và hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ là mối quan hệ kiểm tra và giám sát, trong đó:

a) Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ việc thực các hoạt động Quỹ do Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện, đảm bảo tuân thủ nghị quyết, quyết định mà Hội đồng quản lý đã đề ra.

b) Cơ quan điều hành nghiệp vụ phải chủ động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Tại các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản lý, có sự tham dự của Ban

kiểm soát Quỹ. Cơ quan điều hành nghiệp vụ phải kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

Chương VII
XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 24. Mọi tranh chấp giữa Quỹ Phát triển đất tỉnh với pháp nhân và thể nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Phát triển đất tỉnh Kon Tum do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khi:

1. Chính phủ có chủ trương mới về Quỹ Phát triển đất của các địa phương;

2. Việc xử lý tài sản, vốn, công nợ khi giải thể, phá sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Trong quá trình thực hiện Điều lệ này nếu có phát sinh vướng mắc, Quỹ rà soát, trình Hội đồng quản lý Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.